

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/HSST
Ngày 11 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Nữ Hương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga và bà Đỗ Thị Nga.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Thùy Dương, Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2017/HSST ngày 28/8/2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/HSST-QĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Vũ Đức C, sinh năm 1990; trú tại: Phố M, thị trấn H, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hoá: 12/12; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Đức S, con bà Đinh Thị T; vợ: Nguyễn Thị Thanh T1; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2017(có mặt).

Người bị hại: Anh Dương Văn P, sinh năm 1967; trú tại: đường T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1983; trú tại: phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2/ Ông Vũ Đức S, sinh năm 1959; trú tại: Phố M, thị trấn H, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Vũ Đức C bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về hành vi phạm tội như sau: Do không có tiền tiêu xài nên buổi chiều ngày 03/5/2017, Vũ Đức C nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 22 giờ cùng ngày, C đi xe

máy biển kiểm soát 88H2 – 9452 đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái của anh Dương Văn P ở số nhà 11 đường T, phường Đ, thành phố V. C đặt vấn đề thuê xe ô tô tự lái của anh P để đi giải quyết công việc cá nhân. Anh P đồng ý cho C thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển kiểm soát 88A- 060.21. Hai bên làm hợp đồng thuê xe ô tô, thời gian thuê từ 22 giờ ngày 03/5/2017 đến 12 giờ ngày 04/5/2017, giá thuê xe là 700.000đ/01 ngày, C để lại xe máy biển kiểm soát 88H2- 9452 để bảo đảm thực hiện hợp đồng. Sau đó, C giao cho anh P xe máy cùng đăng ký xe và 01 chứng minh nhân dân của C. Anh P giao cho C xe ô tô biển kiểm soát 88A – 060.2X cùng giấy tờ xe gồm: Giấy đăng ký xe ô tô, sổ đăng kiểm, bảo hiểm dân sự (đều là bản phô tô), ngoài ra anh P còn đưa cho C hợp đồng thuê xe nhưng C không cầm. Sau khi thuê được xe, C gọi điện cho anh Nguyễn Việt D hỏi vay tiền. Anh D đồng ý cho C vay 45.000.000đ và hỏi C vay trong bao lâu, có tài sản gì làm tin không thì C bảo vay một vài ngày và có chiếc xe ô tô C đi thuê để bảo đảm. Tin tưởng C nên Anh D đồng ý cho C vay tiền. Sau đó, C điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88A – 060.2X đến nhà Anh D phường Đ, thành phố V. Tại đây, C viết giấy vay Anh D số tiền 45.000.000đ, hẹn đến ngày 06/5/2017 trả tiền. Sau đó, C giao xe ô tô cùng giấy tờ xe gồm giấy đăng ký xe ô tô, sổ đăng kiểm, bảo hiểm dân sự (đều là bản phô tô) cho anh Dũng, Anh D đưa cho C số tiền 45.000.000đ. Sau khi nhận tiền, C bỏ đi và tiêu xài hết số tiền trên. Anh P gọi điện cho C nhưng C tắt máy nên không liên lạc được.

Sau khi nhận cầm cố chiếc xe ô tô của C, Anh D điều khiển chiếc xe đi ở xưởng điện, nội thất ô tô của mình ở số nhà đường M, phường K, thành phố V.

Ngày 04/5/2017, anh Nguyễn Việt D đã giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển kiểm soát 88A – 060.2x, bản phô tô: 01 giấy đăng ký xe ô tô, 01 sổ đăng kiểm, 01 bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đều của xe ô tô biển kiểm soát 88A – 060.2x; bản phô tô 01 giấy vay tiền ghi tên người vay Vũ Đức C.

Tại kết luận định giá số 70/KL-HĐĐG ngày 15/5/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Vĩnh Yên kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển số đăng ký 88A – 060.2x; loại xe 5 chỗ, sơn màu: nâu, vàng, xe đã cũ, đã qua sử dụng, trị giá 450.000.000đ.

Quá trình điều tra, anh Dương Văn P đã giao nộp 01 xe máy, 01 đăng ký xe máy biển kiểm soát 88H2 – 9452, 01 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức C, 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88A – 060.2x, quá trình điều tra xác định là của anh P nên ngày 06/6/2017, cơ quan điều tra đã trả lại anh P và anh P không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Đối với anh Nguyễn Việt D là người nhận cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 88A – 060.2x của C, quá trình điều tra Anh D khai nhận khi cho C vay tiền, C nói cho anh biết nguồn gốc xe là do C đi thuê, do C bị tai nạn giao thông cần tiền giải quyết nên hỏi vay tiền anh và để lại chiếc xe ô tô trên làm tin. Do là

chỗ quen biết từ trước nên Anh D tin tưởng C và đồng ý nhận cầm cố chiếc xe ô tô BKS 88A – 060.2X cho C vay tiền, Anh D không biết chiếc xe ô tô trên là do C phạm tội mà có. Do vậy, CQĐT không đề cập xử lý đối với Anh D trong vụ án này.

Đối với chiếc xe máy cùng đăng ký xe, quá trình điều tra xác định đăng ký chiếc xe máy trên đứng tên chị Đỗ Thị Thanh M, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Khoảng năm 2004, chị M mua chiếc xe máy trên, đến tháng 9/2016, chị M bán chiếc xe máy trên cho một khách qua đường (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) với giá 4.500.000đ. Vũ Đức C khai nhận: C mua chiếc xe trên khoảng tháng 4/2017 của một người qua đường (không rõ tên tuổi, địa chỉ), C đã làm mất giấy tờ mua bán. Ngày 03/5/2017, C sử dụng chiếc xe máy đặt cọc để thuê chiếc xe ô tô của anh P. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu xe máy vật chứng đối với chiếc xe, kết quả chiếc xe máy trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do chưa xác định rõ tính hợp pháp trong việc quản lý, sử dụng chiếc xe máy trên của C nên tiếp tục tạm giữ để điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại C gọi cho Anh D để liên hệ việc cầm cố xe ô tô, quá trình điều tra C khai nhận chiếc điện thoại trên nhãn hiệu Nokia 1202, quá trình sử dụng C đã bán chiếc điện thoại trên cho một cửa hàng mua bán điện thoại ở phường K, thành phố V (C không nhớ tên, địa chỉ cụ thể của cửa hàng) được 150.000đ và đã tiêu xài hết số tiền.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức C, quá trình điều tra xác định là giấy tờ cá nhân của C.

Đối với 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái do anh P giao nộp; bản phô tô: 01 giấy đăng ký xe ô tô, 01 sổ đăng kiểm, 01 bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô biển kiểm soát 88A – 060.2x; bản phô tô giấy vay tiền ghi tên người vay Vũ Đức C do Anh D giao nộp được chuyển theo hồ sơ vụ án.

* Về dân sự: Ngày 29/6/2017, ông Vũ Đức S là bố đẻ của C đã trả cho Anh D số tiền 45.000.000đ, ngày 9/7/2017, ông Sơn trả cho anh P 12.000.000đ tiền thuê xe và hao mòn xe ô tô BKS 88A – 060.2x. Anh D và anh P đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Tại Cáo trạng số: 99/KSĐT- KT ngày 28/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Vũ Đức C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Vũ Đức C khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Đức C vẫn khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Đức C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Đức C tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Do không có tiền để tiêu xài nên buổi chiều ngày 03/5/2017, Vũ Đức C nảy sinh ý định thuê xe tự lái rồi đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 22 giờ ngày 23/5/2017, C đến gặp anh Dương Văn P là chủ cửa hàng thuê xe ô tô tự lái ở số nhà 11 đường T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển kiểm soát 88A- 060.2x. Ngay sau khi được giao xe, C mang đi cầm cố cho anh Nguyễn Việt D được 45.000.000 đồng và đã tiêu sài hết. Trị giá chiếc xe là 450.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Đức C đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự, cụ thể điều luật quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Vũ Đức C là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để làm ăn chân chính mà gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác với mục đích đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như sau: “Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực tác động để gia đình bồi thường thiệt hại,”. Bởi bị cáo được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo ra đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt theo qui định tại điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Đây là cơ hội để bị cáo yên tâm cải tạo và cố gắng rèn luyện sửa chữa lỗi lầm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Dương Văn P đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì; ông Vũ Đức S đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo C số tiền 45.000.000đ cho anh Nguyễn Việt D; trả cho anh Dương Văn P số tiền 12.000.000đ tiền thuê xe và không có yêu cầu bồi hoàn nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án không liên quan đến hành vi phạm tội cần được trả lại cho chủ sở hữu.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đức C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đức C 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/5/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho Vũ Đức C 01 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức C.

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Vũ Đức C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án./

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- CA thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền